

CHÍNH PHỦ

NGHỊ QUYẾT của Chính phủ số 01/2004/NQ-CP ngày 12/01/2004 về một số giải pháp chủ yếu cần tập trung chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch và ngân sách nhà nước năm 2004.

Năm 2004 là năm thứ 4 triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ IX và Nghị quyết số 55/2001/QH10 của Quốc hội về kế hoạch 5 năm 2001 - 2005, có ý nghĩa rất quan trọng trong việc hoàn thành các mục tiêu của kế hoạch 5 năm. Để triển khai các Nghị quyết của Quốc hội Khóa XI, kỳ họp thứ tư về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2004, cụ thể hóa các chủ trương, chính sách đã đề ra, Chính phủ xác định một số giải pháp chủ yếu cần tập trung chỉ đạo, điều hành thực hiện trong năm 2004 như sau:

I. CẢI THIỆN MẠNH MẼ MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT KINH DOANH

1. Tiếp tục tập trung cải thiện mạnh mẽ môi trường kinh doanh, tạo thêm những thuận lợi mới giúp các doanh nghiệp giảm chi phí sản xuất, hạ giá thành và nâng cao chất lượng sản phẩm.

Điều chỉnh giá đất theo quy định của Luật Đất đai (sửa đổi), mở rộng việc đấu giá đất và đấu thầu dự án có sử dụng

đất, đổi mới công tác đền bù giải phóng mặt bằng, tạo điều kiện để mọi tổ chức và cá nhân thuộc các thành phần kinh tế có dự án đầu tư có được mặt bằng sản xuất theo đúng yêu cầu.

2. Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan trung ương, địa phương triển khai thi hành Luật Đất đai (sửa đổi):

a) Rà soát, chấn chỉnh công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, nhất là sử dụng đất ven đô thị, ven đường giao thông, đất khu công nghiệp, khắc phục tình trạng quy hoạch "treo"; phối hợp với các Bộ, cơ quan trung ương liên quan, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng, thực hiện và đề xuất các cơ chế, chính sách nhằm khai thác, sử dụng nguồn vốn từ quỹ đất đai, bất động sản vào phát triển kinh tế - xã hội.

b) Phối hợp với Thanh tra Nhà nước và các Bộ, cơ quan trung ương, địa phương tiếp tục tiến hành kiểm tra, thanh tra việc quản lý xây dựng và sử dụng đất đai tại một số địa phương.

c) Kiên quyết thu hồi diện tích đất của các tổ chức, cá nhân đã được giao hoặc cho thuê nhưng quá thời hạn theo luật mà chưa sử dụng, diện tích đất giao hoặc cho thuê không đúng thẩm quyền hoặc không đúng đối tượng, nhất là đất các dự án chung cư, dự án sản xuất và dịch vụ, đất các nông, lâm trường, đất sử dụng vào mục đích sản xuất để cải thiện đời sống của các cơ quan hành chính, sự nghiệp.

d) Có quy định quản lý chặt chẽ, không để xảy ra tình trạng doanh nghiệp được

giao đất mà Nhà nước đã có quyết định thu hồi (đất thổ cư, đất nông nghiệp, đất lâm nghiệp) để sử dụng vào việc quy hoạch đô thị, phát triển công nghiệp nhưng không đầu tư theo đúng nội dung được giao mà chia lô bán nền nhà để thu lợi cao, gây bất bình trong nhân dân.

đ) Đẩy nhanh tiến độ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trọng tâm là đất ở tại các đô thị.

e) Rà soát lại quy hoạch các khu công nghiệp, cụm công nghiệp gắn với kế hoạch sử dụng đất ở địa phương.

g) Đề xuất cơ chế, chính sách cụ thể về đất đai đối với các dự án thực hiện xã hội hóa trong các lĩnh vực: giáo dục - đào tạo, y tế, văn hóa, thể dục thể thao,...

3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan và địa phương:

a) Nghiên cứu bổ sung, sửa đổi và ban hành mới các quy định phù hợp với yêu cầu phát triển, đáp ứng lộ trình hội nhập kinh tế quốc tế theo hướng nâng cao tính minh bạch, công khai thông tin quản lý.

b) Xây dựng các văn bản để triển khai thực hiện Luật Doanh nghiệp nhà nước (sửa đổi) và các giải pháp, biện pháp để đẩy nhanh tiến độ sắp xếp, đổi mới và phát triển khu vực doanh nghiệp nhà nước đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

4. Các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương:

a) Thanh tra Nhà nước tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch số 05 của Bộ

Chính trị và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về thanh tra đầu tư xây dựng; đồng thời, báo cáo, kiến nghị với Thủ tướng Chính phủ biện pháp xử lý đối với các kết luận thanh tra năm 2003 về đầu tư xây dựng. Các Bộ, cơ quan liên quan và địa phương triển khai thực hiện theo phạm vi trách nhiệm quản lý.

b) Tiến hành rà soát, đánh giá lại việc thực hiện Nghị định số 90/2001/NĐ-CP ngày 23 tháng 10 năm 2001 của Chính phủ về trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, Chỉ thị số 08/2003/CT-TTg ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của doanh nghiệp để có biện pháp cụ thể nhằm triển khai thực hiện một cách có hiệu quả hơn trong năm 2004.

c) Triển khai tích cực các chương trình và kế hoạch cụ thể để trợ giúp xúc tiến phát triển các doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Phối hợp với Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, các Hiệp hội triển khai chương trình và kế hoạch chương trình khởi sự doanh nghiệp; trợ giúp, xúc tiến, phát triển doanh nghiệp phù hợp với đặc điểm của từng đối tượng và hoàn cảnh cụ thể của từng địa phương; xây dựng mạng lưới thông tin doanh nghiệp toàn quốc bảo đảm cung cấp thông tin kịp thời phục vụ công tác quản lý nhà nước và đáp ứng nhu cầu tìm hiểu thị trường cho doanh nghiệp. Bộ Tài chính chủ trì, nghiên cứu trình Chính phủ ban hành Quỹ Hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa trong quý II năm 2004.

5. Các Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban

nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị các tổng công ty 91:

a) Thực hiện nghiêm túc kế hoạch năm 2004 về sắp xếp lại các doanh nghiệp nhà nước mà Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt.

b) Thực hiện các biện pháp để giảm bao cấp dưới các hình thức khoan nợ, xóa nợ, chuyển vốn vay thành vốn ngân sách cấp, cho vay ưu đãi đối với các doanh nghiệp nhà nước; những doanh nghiệp nhà nước hoạt động không có hiệu quả, không có khả năng phát triển thì phải thực hiện bán, khoán, cho thuê hoặc giải thể, phá sản theo quy định. Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể, tổng hợp báo cáo Chính phủ kết quả thực hiện vào tháng 12 năm 2004.

6. Để cải thiện mạnh mẽ môi trường thu hút vốn đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương:

a) Tổng kết 3 năm thực hiện Nghị quyết số 09/2001/NQ-CP của Chính phủ ngày 28 tháng 8 năm 2001 về tăng cường thu hút và nâng cao hiệu quả đầu tư trực tiếp nước ngoài thời kỳ 2001 - 2005; xây dựng chiến lược thu hút đầu tư nước ngoài cho thời kỳ 2006 - 2010.

b) Rà soát lại quy hoạch công nghiệp, xác định danh mục gọi vốn FDI phù hợp với yêu cầu hội nhập.

c) Triển khai thực hiện Nghị định số 27/2003/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2003 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2000/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2000 quy

định chi tiết thi hành Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, Nghị định số 38/2003/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2003 về chuyển đổi một số doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần.

d) Thực hiện thí điểm các hình thức đầu tư mới đối với đầu tư nước ngoài như công ty hợp doanh, công ty quản lý vốn, các hình thức sáp nhập và mua lại... với các điều kiện và bước đi thích hợp. Trong quý I năm 2004, Bộ Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Bộ Tài chính ban hành quy định cụ thể hướng dẫn việc chuyển doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài sang hình thức công ty cổ phần.

7. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì:

a) Xây dựng, trình Chính phủ đề án sửa đổi, bổ sung Nghị định số 45/1998/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 1998 của Chính phủ quy định về chuyển giao công nghệ theo hướng bỏ việc phê duyệt hợp đồng chuyển giao công nghệ, bỏ giới hạn về phí chuyển giao công nghệ đối với các công ty tư nhân.

b) Xây dựng, trình Chính phủ đề án sửa đổi, bổ sung Nghị định số 12/1999/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 1999 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp theo hướng quy định rõ, hợp lý việc xử phạt đối với các hành vi vi phạm quyền sở hữu trí tuệ.

c) Trong quý II năm 2004, nghiên cứu xây dựng, trình Chính phủ đề án hình thành và phát triển thị trường khoa học - công nghệ.

8. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Bộ: Thương mại, Tài chính,

Bưu chính, Viễn thông và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn việc cho phép thành lập doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trong lĩnh vực thương mại, tín dụng, bảo hiểm, viễn thông, quảng cáo, bảo đảm phù hợp với các cam kết quốc tế song phương và đa phương; trình Chính phủ sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật trong trường hợp cần thiết.

9. Bộ Thương mại chủ trì xây dựng, trình cơ quan có thẩm quyền đề án sửa đổi Luật Thương mại theo hướng mở rộng các chức năng và hoạt động của các chi nhánh công ty thương mại; mở rộng chủng loại mặt hàng xuất nhập khẩu theo lộ trình hội nhập khu vực và quốc tế của Việt Nam.

10. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu, trình Chính phủ sửa đổi quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 105/2003/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ Luật Lao động về tuyển dụng và quản lý lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam, theo hướng nâng tỷ lệ lao động là người nước ngoài tại các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế ở nước ta.

11. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành Nghị định số 105/2003/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2003 theo hướng giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xem xét, quyết định việc cho phép doanh nghiệp được sử dụng lao động nước ngoài vượt quá số lượng theo quy định chung khi có nhu cầu.

12. Tổng cục Thống kê chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ đề án cải thiện các dịch vụ cung cấp thông tin thống kê theo hướng các thông tin thiết yếu phải được cung cấp kịp thời nhất cho các nhà đầu tư.

13. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp cùng các Bộ, cơ quan liên quan và các địa phương:

a) Xây dựng, công bố quy hoạch phát triển ngành nông nghiệp theo hướng sản xuất phải gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Tiếp tục chỉ đạo và hướng dẫn các địa phương rà soát, điều chỉnh lại quy hoạch nông, lâm, diêm nghiệp và thủy lợi để thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn theo hướng sản xuất hàng hóa có chất lượng cao, nhằm nâng cao giá trị thu nhập trên 1 ha đất nông nghiệp và đáp ứng yêu cầu hội nhập.

b) Tập trung phát triển các sản phẩm: gạo, cao su, chè, điều, cà phê, rau, hoa quả xuất khẩu.

c) Tiếp tục thực hiện Chương trình giống gắn với bảo quản chế biến nông sản, chương trình nghiên cứu và ứng dụng các công nghệ tiên tiến về chế biến, bảo quản nông sản.

d) củng cố, phát triển kinh tế hợp tác xã, tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy kinh tế trang trại phát triển; nghiên cứu tổng kết kinh nghiệm phát triển kinh tế trang trại để nhân rộng các mô hình tốt.

đ) Thực hiện việc sắp xếp, đổi mới và phát triển nông, lâm trường quốc doanh theo Nghị quyết số 28/NQ-TW ngày 16

tháng 6 năm 2003 của Bộ Chính trị; đổi mới và phát triển kinh tế tập thể; phát triển kinh tế tư nhân, nhất là kinh tế trang trại.

e) Đổi mới quản lý ngành lâm nghiệp theo hướng xác định rõ diện tích rừng đặc dụng, rừng phòng hộ. Tăng cường vai trò của các cơ quan nhà nước trong quản lý, bảo vệ rừng, chỉ đạo tốt việc giao đất, khoán rừng (kể cả rừng tự nhiên) cho hộ gia đình, cộng đồng.

g) Triển khai thực hiện Chỉ thị số 12/2003/CT-TTg ngày 16 tháng 5 năm 2003 về tăng cường các biện pháp cấp bách để bảo vệ và phát triển rừng; xử lý nghiêm khắc mọi hành vi phá rừng, tiếp tay cho bọn phá rừng.

h) Tổng kết, đánh giá việc thực hiện Quyết định số 80/2002/QĐ-TTg ngày 24 tháng 6 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích tiêu thụ nông sản, hàng hóa thông qua hợp đồng; trình Thủ tướng Chính phủ những giải pháp xử lý tồn tại, khó khăn tạo cơ sở pháp lý để nâng cao hiệu lực thực hiện của hợp đồng.

14. Bộ Thủy sản:

a) Chủ trì cùng các Bộ, cơ quan liên quan, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương rà soát, điều chỉnh quy hoạch nuôi trồng thủy sản; ban hành quy định về vùng nuôi trồng thủy sản an toàn; đa dạng các hình thức lai tạo, tuyển chọn giống, công nghệ sản xuất giống để sản xuất được một số loại giống thủy sản xuất khẩu có giá trị cao.

b) Tiếp tục chỉ đạo tốt việc thu hồi nợ và nâng cao hiệu quả chương trình đánh

cá xa bờ theo đúng Quyết định số 89/2003/QĐ-TTg ngày 08 tháng 5 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ.

15. Bộ Công nghiệp:

a) Tiếp tục rà soát, điều chỉnh quy hoạch các ngành công nghiệp chủ chốt đến năm 2010, trong đó chú trọng phát triển ngành cơ khí chế tạo và một số ngành công nghiệp mũi nhọn tạo bước đột phá; đồng thời, đầu tư phát triển mạnh các khu công nghệ cao để tăng sức cạnh tranh. Tập trung thực hiện chương trình phát triển các sản phẩm cơ khí trọng điểm. Thực hiện chương trình phát triển công nghiệp địa phương, chú ý tiểu thủ công nghiệp, làng nghề.

b) Tham gia với Ban Chỉ đạo Nhà nước về các dự án trọng điểm giải quyết cơ bản những ách tắc, trở ngại trong việc thực hiện các dự án trọng điểm của ngành, trước hết là trọng điểm thực hiện chiến lược phát triển ngành cơ khí đến năm 2010, ngành điện lực giai đoạn 2001 - 2010, ngành thép đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020, Dự án khí - điện đạm Cà Mau và Dự án Nhà máy lọc dầu Dung Quất.

c) Tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện Tổng sơ đồ điện V, bảo đảm cung cấp điện năng cho sự phát triển của đất nước.

d) Cùng với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khẩn trương tổ chức triển khai thực hiện đề án Phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản theo Chỉ thị số 24/2003/CT-TTg ngày 08 tháng 10 năm

2003 của Thủ tướng Chính phủ về phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản.

16. Các Bộ, cơ quan trung ương, địa phương, Tổng công ty 91:

a) Rà soát từng lĩnh vực, sản phẩm hiện có giá thành còn cao, đề ra biện pháp triển khai thực hiện cụ thể giảm chi phí sản xuất, giảm giá thành nhằm nâng cao sức cạnh tranh của từng sản phẩm.

b) Nghiên cứu ban hành và thực hiện các cơ chế, chính sách, các giải pháp nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của các sản phẩm công nghiệp (trước hết là hàng dệt, may, da, giày, công nghiệp chế biến, thủ công mỹ nghệ,...) đáp ứng các yêu cầu của thị trường xuất khẩu trong quá trình toàn cầu hóa.

c) Tổ chức triển khai thực hiện chính sách phát triển các ngành công nghiệp sử dụng nguồn nguyên liệu trong nước nhằm tăng giá trị gia tăng sản phẩm ngành công nghiệp và phát huy nội lực để phát triển kinh tế. Chú ý đầu tư phát triển công nghiệp địa phương ở những vùng điều kiện khó khăn, vùng miền núi.

17. Kiểm toán Nhà nước tổ chức thực hiện đúng kế hoạch kiểm toán năm 2004 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, thực hiện kiểm toán định kỳ đối với các tổng công ty, doanh nghiệp nhà nước còn độc quyền kinh doanh.

18. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các Bộ quản lý sản xuất kiểm soát chặt chẽ việc định giá đối với một số sản phẩm dịch vụ hiện nay còn được độc quyền sản

xuất như: điện, vận tải, viễn thông, hàng không để đến hết năm 2005, giá của hàng hóa và dịch vụ hiện đang còn độc quyền giảm xuống ngang mức giá trung bình của sản phẩm cùng loại trong khu vực; đồng thời, tạo điều kiện thành lập các doanh nghiệp tham gia kinh doanh trong lĩnh vực này để tăng tính cạnh tranh nhằm hạn chế và từng bước xóa bỏ độc quyền kinh doanh.

19. Các Bộ, cơ quan liên quan có biện pháp cụ thể giảm chi phí sản xuất như chi phí vận tải (phí cầu đường, các chi phí hành chính trong quản lý giao thông), giá điện cho sản xuất, phí dịch vụ bưu chính, viễn thông, phí cảng, phí hải quan..., nêu cao trách nhiệm trong điều hành doanh nghiệp của cán bộ quản lý doanh nghiệp nhà nước gắn với hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

20. Để phát triển thị trường trong nước, Bộ Thương mại:

a) Phối hợp cùng các địa phương tổ chức thực hiện tốt Quyết định số 311/QĐ-TTg ngày 20 tháng 3 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tiếp tục tổ chức thị trường trong nước, tập trung phát triển thương mại nông thôn đến năm 2010.

Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các địa phương nhân rộng mô hình sản xuất, kinh doanh: sản xuất - mua gom - chế biến - tiêu thụ đã được một số doanh nghiệp kinh doanh xuất khẩu áp dụng thành công.

b) Xây dựng mô hình tổ chức thị trường theo hướng xác lập các mối liên kết kinh tế trong lưu thông và giữa lưu thông với

sản xuất dựa trên các không gian kinh tế và dung lượng thị trường trên từng địa bàn (như chợ, trung tâm bán buôn, bán lẻ, trung tâm thương mại, siêu thị,...) nhằm tạo ra bước ngoặt trong sự phát triển của thị trường nội địa, trước hết là thị trường nông thôn.

c) Duy trì và nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác điều tiết, điều hành vĩ mô về cung - cầu, thị trường, giá cả các mặt hàng trọng yếu, tạo sự ổn định cho việc phát triển bền vững của thị trường nội địa. Triển khai tốt cơ chế quản lý mới về kinh doanh xăng dầu và khảo sát, nghiên cứu đề xuất để đổi mới cơ chế quản lý sản xuất, kinh doanh các mặt hàng thiết yếu khác như phân bón, thép, thuốc chữa bệnh,... Hoàn thiện thể chế quản lý lưu thông hàng hóa nội địa, tổ chức hệ thống thông tin hai chiều, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác dự báo, điều hành thị trường và giá cả các mặt hàng trọng yếu, đẩy mạnh xúc tiến thương mại nội địa.

21. Tổng cục Du lịch phối hợp với các Bộ, cơ quan trung ương, địa phương liên quan tận dụng các sự kiện lớn như ASEM-5, kỷ niệm 50 năm chiến thắng Điện Biên Phủ, liên hoan Huế, miễn thị thực cho công dân Nhật, mở đường bay với Hoa Kỳ,... để thúc đẩy mạnh hoạt động du lịch.

II. MỞ RỘNG QUY MÔ VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ ĐẦU TƯ

1. Các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương huy động tối đa mọi nguồn lực cho đầu tư phát triển. Thực hiện kế

hoạch hóa đầy đủ các nguồn vốn đầu tư phát triển đảm bảo mục tiêu tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

2. Đẩy mạnh phát hành trái phiếu để tăng vốn đầu tư:

a) Bộ Tài chính tiếp tục phát hành Trái phiếu Chính phủ theo Quyết định số 182/2003/QĐ-TTg ngày 09 tháng 5 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ nhằm tăng khả năng đầu tư của Nhà nước vào những công trình trọng điểm, công trình lớn thuộc các ngành giao thông vận tải, thủy lợi, các công trình tái định cư phục vụ khởi công thủy điện Sơn La, thủy điện Tuyên Quang.

Bộ Giao thông vận tải, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các Bộ, địa phương có liên quan khẩn trương tổ chức và triển khai thực hiện các công trình, dự án sử dụng nguồn Trái phiếu Chính phủ theo đúng kế hoạch, đúng quy định về quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản.

b) Bộ Tài chính khẩn trương triển khai việc phát hành "Công trái giáo dục" năm 2004 để thực hiện chương trình kiên cố hóa trường lớp học phổ thông, phấn đấu đến năm 2005 xóa các lớp học ca ba, tranh tre, nứa lá theo đúng Nghị quyết Quốc hội số 17/2003/QH11; đồng thời, tích cực vận động các doanh nghiệp và toàn xã hội đóng góp cho chương trình này.

Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính chuẩn xác lại tiêu chí về lớp học, phòng học cần được hỗ trợ từ nguồn công trái giáo dục để có căn cứ hỗ trợ cho những địa phương thực sự có khó khăn; đồng thời, phân bổ và giám sát việc sử

dụng có hiệu quả nguồn vốn này, báo cáo Chính phủ kết quả thực hiện trong tháng 12 năm 2004.

Các địa phương đẩy nhanh công tác đầu tư, xây dựng, bảo đảm giải ngân kịp thời, nhưng không được để xảy ra thất thoát trong sử dụng vốn kiên cố hóa trường học.

c) Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan hướng dẫn một số tổng công ty, doanh nghiệp lớn phát hành trái phiếu công ty để thu hút thêm vốn đầu tư; đồng thời, tạo điều kiện để thúc đẩy tăng nhanh lượng hàng hóa giao dịch trên thị trường chứng khoán.

d) Các địa phương có điều kiện vay và khả năng trả nợ, được phát hành trái phiếu đầu tư để huy động vốn xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội, tạo điều kiện thu hút đầu tư của mọi thành phần kinh tế. Để tiến hành việc này, các địa phương phải phối hợp với Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để bảo đảm mặt bằng lãi suất và nguồn tài chính theo định hướng chung.

3. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện các giải pháp nhằm củng cố và phát triển mạnh thị trường chứng khoán; xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ quy định về việc các tổng công ty, doanh nghiệp lớn, có uy tín trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh, tài chính, ngân hàng và khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tham gia niêm yết trên thị trường chứng khoán.

4. Bộ Tài chính rà soát để sửa đổi, bổ

sung các quy định về ưu đãi thuế đối với các hoạt động chứng khoán theo hướng tạo thêm thuận lợi cho các nhà đầu tư trong lĩnh vực chứng khoán.

5. Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Giáo dục và Đào tạo phối hợp ban hành tiêu chuẩn, điều kiện đối với các dự án đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực đào tạo đại học để có cơ sở xem xét thẩm định và cấp phép; chủ trì rà soát lại danh mục dự án quốc gia kêu gọi đầu tư nước ngoài để điều chỉnh, bổ sung những dự án quy mô lớn cần kêu gọi đầu tư.

6. Tổ chức vận động xúc tiến đầu tư tại các địa bàn trọng điểm (Nhật Bản, Hoa Kỳ, EU, Hàn Quốc, Đài Loan...) với nhiều hình thức khác nhau như tổ chức các đoàn vận động đầu tư, tổ chức gặp và làm việc với các tập đoàn lớn đã có dự án đầu tư hoặc văn phòng đại diện tại Việt Nam, tăng cường thông tin về đầu tư nước ngoài qua Internet và các phương tiện thông tin đại chúng, nhanh chóng tăng cường đại diện của Việt Nam ở nước ngoài về xúc tiến đầu tư kết hợp với các cơ quan ngoại giao để tăng cường vận động đầu tư. Triển khai có hiệu quả Sáng kiến chung Việt - Nhật về nâng cao sức cạnh tranh của môi trường đầu tư Việt Nam.

7. Các Bộ, cơ quan, địa phương phải quán triệt để thực hiện Nghị quyết của Quốc hội và chỉ đạo của Chính phủ trong việc quản lý, bố trí vốn đầu tư để bảo đảm từ năm 2004 chấm dứt tình trạng đầu tư dàn trải, phân tán, không đúng quy hoạch, tình trạng thực hiện vốn đầu tư xây dựng cơ bản vượt nguồn dự toán được giao, ứng vốn đầu tư trái với chế độ

quy định. Các Bộ, cơ quan và địa phương phải tăng cường các giải pháp quản lý đầu tư và xây dựng để bảo đảm việc sử dụng vốn ngân sách nhà nước có hiệu quả nhất. Triển khai thực hiện nghiêm túc Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về chấn chỉnh quản lý đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn nhà nước. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, cùng các Bộ, ngành liên quan nghiên cứu, đề xuất biện pháp và lộ trình giải quyết dứt điểm nợ tồn đọng trong xây dựng cơ bản.

8. Các Bộ, cơ quan, đơn vị, địa phương phải chỉ đạo chặt chẽ bảo đảm tất cả các dự án được ghi vốn đầu tư trong kế hoạch năm 2004 phải tuân thủ các quy định hiện hành về quản lý đầu tư và xây dựng theo các Nghị định số 52/1999/NĐ-CP, số 12/2000/NĐ-CP, số 07/2003/NĐ-CP của Chính phủ về Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng; Nghị định số 88/1999/NĐ-CP, số 14/2000/NĐ-CP, số 66/2003/NĐ-CP của Chính phủ về Quy chế đấu thầu và các văn bản pháp luật liên quan.

Các Bộ, cơ quan và địa phương phải rà soát lại các dự án chuyển tiếp để cắt giảm hoặc rút bỏ các công trình không phù hợp với quy hoạch được duyệt, không nằm trong kế hoạch, không phù hợp với yêu cầu thiết thực phát triển của đơn vị, địa phương, của thị trường, hoặc chưa xác định rõ hiệu quả. Không bố trí các dự án khởi công mới nếu địa phương, đơn vị còn các dự án chuyển tiếp chưa cân đối đủ vốn để hoàn thành theo tiến độ quy định.

Các địa phương phải bảo đảm cơ cấu đầu tư hợp lý giữa cơ sở hạ tầng kinh tế và xã hội; riêng hai lĩnh vực giáo dục và

đào tạo, khoa học và công nghệ phải đảm bảo mức vốn tối thiểu được giao tại Quyết định số 242/2003/QĐ-TTg ngày 17 tháng 11 năm 2003. Vốn hỗ trợ có mục tiêu của ngân sách trung ương phải bố trí đúng theo mục tiêu hỗ trợ ghi trong kế hoạch, không điều chỉnh vốn của mục tiêu này cho mục tiêu khác.

9. Tăng cường các biện pháp quản lý nhằm chống thất thoát, lãng phí, tiêu cực trong đầu tư và xây dựng, nhất là trong việc quy hoạch, giám sát thi công, bảo đảm đúng quy trình, nâng cao chất lượng các công trình xây dựng:

a) Thực hiện nghiêm túc công tác giám sát và đánh giá đầu tư trong phạm vi ngành hoặc lĩnh vực do mình quản lý theo Nghị định số 07/2003/NĐ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2003 của Chính phủ và theo hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo đúng chế độ quy định.

b) Người có thẩm quyền quyết định đầu tư phải chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đầu tư.

c) Thực hiện tốt yêu cầu về thực hiện công khai, minh bạch trong quản lý và sử dụng vốn đầu tư thuộc ngân sách nhà nước. Các chủ đầu tư phải công bố công khai nội dung quyết định đầu tư, chương trình kế hoạch đầu tư tại địa phương thực hiện dự án đầu tư. Các dự án thuộc thẩm quyền quyết định của chính quyền địa phương, phải được Hội đồng nhân dân cùng cấp thảo luận, quyết định và công bố công khai.

d) Bộ Kế hoạch và Đầu tư phải tổ chức việc thanh tra, kiểm tra định kỳ, báo cáo

Thủ tướng Chính phủ việc thực hiện kế hoạch đầu tư ở các Bộ, cơ quan nhà nước, các địa phương và cả nước, bảo đảm đầu tư phải tập trung theo đúng mục tiêu, kế hoạch.

10. Từ năm 2004, ngân sách trung ương không dành vốn để thanh toán những khoản nợ vốn đầu tư xây dựng cơ bản ngoài quy hoạch, kế hoạch. Các Bộ và địa phương phải có kế hoạch cụ thể để xử lý dứt điểm nợ xây dựng cơ bản, dành một phần vốn đầu tư từ kế hoạch ngân sách năm 2004 được giao để thanh toán một phần nợ xây dựng cơ bản thuộc nguồn ngân sách nhà nước từ năm 2003 trở về trước. Các Bộ, địa phương chỉ đạo và giám sát không được để xảy ra việc thực hiện khối lượng đầu tư xây dựng vượt mức vốn đã được giao của kế hoạch năm 2004.

11. Thu hẹp đối tượng vay vốn trực tiếp từ Quỹ Hỗ trợ phát triển, tăng cường hỗ trợ lãi suất sau đầu tư. Bộ Tài chính hoàn thành việc sửa đổi Nghị định số 43/1999/NĐ-CP ngày 29 tháng 6 năm 1999 về tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước, trình Chính phủ phê duyệt theo hướng không ưu đãi tràn lan, chỉ ưu đãi đối với những dự án, mặt hàng thiết yếu của nền kinh tế quốc dân và những dự án cấp thiết thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, y tế, quy định cụ thể thời hạn các chương trình được hưởng ưu đãi và thu hẹp mức lãi suất ưu đãi.

12. Các Bộ, địa phương phải bố trí đủ vốn đối ứng cho các dự án ODA nhằm bảo đảm tiến độ triển khai thực hiện dự án. Mức vốn đối ứng đối với các dự án

nhóm A không thấp hơn mức đã được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 242/2003/QĐ-TTg ngày 17 tháng 11 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ. Bộ Kế hoạch và Đầu tư kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc thực hiện.

13. Đẩy mạnh thu hút vốn ODA:

a) Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiếp tục nâng cao chất lượng công tác quy hoạch thu hút và sử dụng vốn ODA; đồng thời, xây dựng danh mục các chương trình, dự án quan trọng đầu tư bằng nguồn vốn ODA theo ngành và lĩnh vực (kể cả các lĩnh vực xã hội) tới năm 2010, trình Thủ tướng Chính phủ vào quý IV năm 2004.

b) Các Bộ, cơ quan, địa phương, đơn vị phải thực hiện các biện pháp thiết thực để đẩy nhanh tiến độ giải ngân nguồn vốn ODA, thực hiện việc hài hòa về thủ tục với các nhà tài trợ theo nhóm hoặc song phương, chú ý hài hòa kết cấu nội dung và hình thức các văn kiện dự án (Báo cáo nghiên cứu khả thi), các quy trình và thủ tục đấu thầu, báo cáo triển khai các dự án ODA.

c) Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan tăng cường giám sát đầu tư nguồn vốn ODA theo 3 nhóm dự án: hỗ trợ kỹ thuật, viện trợ không hoàn lại, vốn vay; từ đó, rút kinh nghiệm, lựa chọn mô hình hợp lý để áp dụng chung cho cả nước.

d) Các Bộ, tỉnh và thành phố kiện toàn tổ chức quản lý và sử dụng ODA; thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo định kỳ và báo cáo kết thúc dự án, thực hiện kiểm toán các dự án ODA theo hướng

tập trung vào một đầu mối, tăng cường năng lực của cơ quan đầu mối để thực hiện có hiệu quả chức năng quản lý ODA được phân cấp theo các quy định hiện hành.

đ) Bộ Tài chính cùng Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiếp tục hoàn thiện, bổ sung, sửa đổi cơ chế quản lý, sử dụng vốn ODA, nhất là chính sách thuế, cho vay lại, định mức chi tiêu; tăng cường công tác đánh giá, thẩm định hiệu quả của các chương trình, dự án ODA.

III. ĐIỀU HÀNH CHÍNH SÁCH TÀI CHÍNH VÀ TIỀN TỆ

A. VỀ TÀI CHÍNH VÀ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

1. Các Bộ, địa phương tổ chức triển khai thực hiện quản lý ngân sách ngay từ đầu năm theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước (sửa đổi) và các văn bản hướng dẫn Luật, bảo đảm nâng cao hiệu quả, tiết kiệm trong tất cả các khâu của quá trình quản lý ngân sách; bảo đảm quyền hạn và trách nhiệm của đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân địa phương trong việc quyết định phân bổ ngân sách, giám sát thực hiện thu, chi ngân sách ở từng cấp, thực hiện đúng, kịp thời chế độ công bố, công khai, thu, chi ngân sách.

2. Các địa phương phấn đấu tăng thu ít nhất là 5% so với mức dự toán Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 242/2003/QĐ-TTg ngày 17 tháng 11 năm 2003 để có thêm kinh phí thực hiện cải cách tiền lương, tăng chi đầu tư phát

triển và các nhiệm vụ quan trọng cấp bách khác. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan trung ương, các địa phương tổ chức, tăng cường các biện pháp kiểm tra, thanh tra chống thất thu thuế, xiết chặt kỷ luật thu ngân sách trong tất cả các khu vực, các thành phần kinh tế, kết hợp với các lực lượng (công an, quản lý thị trường, thuế, hải quan...) đẩy mạnh hoạt động chống buôn lậu, chống làm hàng giả, gian lận thương mại, trốn thuế; cương quyết xử lý những trường hợp vi phạm, có biện pháp cụ thể thu hồi cho ngân sách nhà nước các khoản thu bị chiếm dụng.

3. Các Bộ, địa phương và đơn vị phải chủ động thực hiện phương thức tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương, chi trả tiền lương theo đúng Nghị quyết của Quốc hội.

4. Bộ Tài chính tiếp tục thực hiện các giải pháp đẩy mạnh cải cách hệ thống thuế, cải tiến phương thức và tổ chức quản lý thu thuế theo hướng phù hợp với các cam kết quốc tế.

5. Các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương tổ chức thực hiện tốt dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2004, thực hiện chi phải bám sát dự toán đầu năm được các cấp có thẩm quyền giao. Tăng cường kiểm tra, thanh tra, kiểm soát các khoản chi ngân sách nhà nước, chú ý hơn đối với các lĩnh vực dễ xảy ra thất thoát như chi đầu tư xây dựng cơ bản và các khoản chi mua sắm, sửa chữa lớn tài sản; chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, các dự án có sử dụng vốn nước ngoài. Kiên quyết xử lý Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị để xảy ra tình trạng lãng

phí, thất thoát, tiêu cực trong quản lý chi ngân sách nhà nước.

6. Các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động tài chính của các doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý (đặc biệt là các doanh nghiệp nhà nước, các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm còn mang tính độc quyền), trước hết tập trung vào các doanh nghiệp có vấn đề về tài chính, các doanh nghiệp đang có dự án đầu tư lớn, các doanh nghiệp đang hưởng chế độ ưu đãi của Nhà nước; gắn kết quả kiểm tra, thanh tra, giám sát hoạt động tài chính của các doanh nghiệp nhà nước với sắp xếp lại, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước. Bộ Tài chính chịu trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát tài chính doanh nghiệp của các Bộ, cơ quan trung ương, địa phương; trực tiếp tổ chức thanh tra, kiểm tra, giám sát một số tổng công ty lớn của Nhà nước.

7. Từ năm 2004, bãi bỏ cơ chế cấp lại, đầu tư lại một phần hoặc toàn bộ từ các nguồn thu phát sinh trên địa bàn hoặc các khoản thu do các doanh nghiệp phải nộp ngân sách nhà nước cho Bộ, cơ quan trung ương, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các tổng công ty nhà nước và các đơn vị. Đối với các công trình, dự án, nhiệm vụ quan trọng trước đây được cấp lại, đầu tư trở lại, đang được thực hiện cần phải tiếp tục đầu tư để đưa vào khai thác, sử dụng thì các Bộ, cơ quan trung ương, các tổng công ty và các địa phương sử dụng ngân sách đã được giao để thực hiện. Riêng nguồn thu từ tiền sử dụng đất (thực hiện cơ chế cân

đối trong ngân sách địa phương) chỉ sử dụng để đầu tư cơ sở hạ tầng, giải phóng mặt bằng cho đầu tư phát triển; không sử dụng nguồn thu này cho nhiệm vụ chi thường xuyên.

8. Chuyển phương thức cân đối ngân sách và hình thức cấp phát kinh phí ủy quyền sang hình thức bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương đối với các nhiệm vụ trợ cước, trợ giá các mặt hàng chính sách, chuẩn bị động viên, chương trình biển Đông - hải đảo.

Đối với kinh phí trợ cước, trợ giá và cấp không thu tiền một số mặt hàng chính sách, căn cứ mức hỗ trợ từ ngân sách trung ương và kinh phí cân đối trong dự toán ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân quyết định mục tiêu, nội dung thực hiện cụ thể, phù hợp với tình hình của địa phương.

Toàn bộ các khoản thu, chi thuộc ngân sách cấp xã được quản lý, hạch toán đầy đủ vào ngân sách nhà nước, từ khâu lập dự toán đến khâu quyết toán ngân sách.

9. Trên cơ sở tổng kết kết quả thực hiện cơ chế tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp có thu theo Nghị định số 10/2002/NĐ-CP ngày 12 tháng 01 năm 2002, Bộ Tài chính hoàn chỉnh cơ chế theo hướng giao đầy đủ quyền tự chủ về tài chính, tổ chức thực hiện nhiệm vụ, quản lý tổ chức biên chế để áp dụng cho tất cả các đơn vị sự nghiệp có thu. Đối với khu vực hành chính nhà nước, tiếp tục mở rộng thí điểm khoán biên chế và kinh phí hành chính theo Quyết định số 192/2001/

QĐ-TTg ngày 17 tháng 12 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ.

10. Các tỉnh, thành phố được phân chia và điều chỉnh địa giới hành chính theo Nghị quyết của Quốc hội cần nhanh chóng ổn định tổ chức bộ máy và cán bộ để thực hiện tốt nhiệm vụ phát triển tốt kinh tế - xã hội ngay từ đầu năm.

11. Các tỉnh, thành phố có điều kiện cần có kế hoạch cụ thể để hỗ trợ các tỉnh mới được tách lập. Trong quá trình triển khai nhiệm vụ năm 2004, các Bộ, cơ quan trung ương cần ưu tiên nguồn lực để thực hiện các dự án, nhiệm vụ trên địa bàn các tỉnh mới được chia tách, nhất là các dự án về giao thông, thủy lợi, nước sinh hoạt... để giúp các tỉnh này có thêm điều kiện ổn định và phát triển kinh tế - xã hội.

B. VỀ TIỀN TỆ, TÍN DỤNG

1. Trong năm 2004, Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tiếp tục triển khai các giải pháp hoàn thiện và phát triển thị trường vốn, thị trường tiền tệ; tăng cường huy động vốn trung và dài hạn. Tiếp tục đổi mới cơ chế tín dụng theo hướng xóa bỏ bao cấp qua tín dụng và tạo môi trường hoạt động tín dụng bình đẳng hơn giữa các thành phần kinh tế.

2. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Quỹ Hỗ trợ phát triển và các địa phương tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình đầu tư từ vốn vay kiên cố hóa kênh mương, giao thông nông thôn, cơ sở hạ tầng nuôi trồng thủy sản, cơ sở hạ tầng làng nghề

nông thôn, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong quý III năm 2004; đồng thời, đề xuất các giải pháp huy động nguồn vốn nhằm hoàn thành chương trình này trong năm 2005.

3. Tiếp tục nâng cao hiệu quả nguồn vốn tín dụng ưu đãi của Nhà nước thông qua Quỹ Hỗ trợ phát triển và Ngân hàng Chính sách xã hội. Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các Bộ, cơ quan trung ương, các Hội, đoàn thể liên quan tổ chức thực hiện và giám sát quá trình thực hiện chủ trương này.

4. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, các Bộ, cơ quan liên quan trình Chính phủ ban hành cơ chế kiểm soát, hạn chế các địa phương tự quy định điều kiện ưu đãi gây nên tình trạng cạnh tranh không hợp lý giữa các khu công nghiệp, các địa phương. Khẩn trương trình Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị định số 36/CP ngày 24 tháng 4 năm 1997 về Quy chế Khu công nghiệp, Khu chế xuất, Khu công nghệ cao.

5. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thực hiện chính sách tiền tệ linh hoạt nhằm ổn định sức mua đối nội và đối ngoại của đồng tiền Việt Nam, bảo đảm chỉ số giá tiêu dùng năm 2004 tăng ở mức 4 - 5%.

6. Đẩy mạnh quá trình hoàn thiện chính sách tiền tệ theo hướng nâng cao năng lực phân tích, dự báo, tạo các điều kiện, phương tiện cần thiết để chủ động điều tiết thị trường tiền tệ thông qua các công cụ gián tiếp, phù hợp với thông lệ quốc tế và đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế. Hoàn thiện cơ chế, chính sách và có giải pháp để tăng mức huy

động và sử dụng vốn, nhất là vốn trung và dài hạn với mức lãi suất hợp lý.

7. Tiếp tục cơ cấu lại nợ và xử lý nợ xấu cùng với các biện pháp hạn chế rủi ro, nâng cao chất lượng hoạt động tín dụng của các tổ chức tín dụng, trước hết là ngân hàng thương mại cổ phần và ngân hàng thương mại nhà nước.

Tiếp tục thực hiện các đề án cơ cấu lại hệ thống ngân hàng thương mại nhà nước và đề án củng cố, chấn chỉnh các ngân hàng thương mại cổ phần, nâng cao năng lực của các ngân hàng thương mại. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phối hợp với Bộ Tài chính trình Chính phủ cơ chế bảo đảm vốn điều lệ cho các ngân hàng thương mại nhà nước; thực hiện các biện pháp tăng nguồn vốn tự có cho các ngân hàng thương mại nhà nước. Bảo đảm các điều kiện để các tổ chức tín dụng thật sự chuyển sang kinh doanh theo cơ chế thị trường, chủ động lựa chọn, quyết định và tự chịu trách nhiệm việc cho vay có bảo đảm bằng tài sản hoặc cho vay không có bảo đảm bằng tài sản theo quy định của Chính phủ về bảo đảm tiền vay.

8. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chủ trì cùng với các cơ quan liên quan tiếp tục triển khai thực hiện giai đoạn 2 dự án hiện đại hóa ngân hàng và hệ thống thanh toán; sớm nghiên cứu xây dựng đề án mở rộng và phát triển thanh toán không dùng tiền mặt trong nền kinh tế. Trong quý I năm 2004, trình Thủ tướng Chính phủ quy định về thanh toán bằng tiền mặt phù hợp với yêu cầu của tình hình hiện nay. Chủ trì cùng với các cơ quan liên quan nghiên cứu bổ sung, sửa

đổi quy định về quản lý ngoại hối; xây dựng đề án về lộ trình giảm dần, tiến tới chấm dứt hiện tượng đô la hóa trong nền kinh tế.

9. Phát triển thị trường chứng khoán đi đôi với việc tiếp tục thực hiện cơ chế, chính sách tạo môi trường pháp lý, giảm thiểu rủi ro trong hoạt động của thị trường và kinh doanh chứng khoán.

IV. ĐẨY MẠNH XUẤT KHẨU VÀ HỘ NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

1. Tiếp tục thực hiện các chính sách, biện pháp đẩy mạnh xuất khẩu và nâng cao hiệu quả hoạt động xuất nhập khẩu.

Các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương hướng dẫn các doanh nghiệp tiếp tục triển khai các giải pháp mở rộng thị trường, đẩy mạnh sản xuất hàng xuất khẩu nhằm tăng nhanh khối lượng hàng hóa và dịch vụ xuất khẩu, tăng tỷ trọng hàng xuất khẩu đã qua chế biến để nâng cao giá trị hàng hóa xuất khẩu.

Các Bộ, địa phương chủ động xây dựng và thực hiện phương án hỗ trợ cần thiết đối với những hàng hóa cần đẩy mạnh xuất khẩu.

2. Bộ Thương mại chủ động hướng dẫn và hỗ trợ thông tin thị trường để sử dụng tối đa hạn ngạch xuất khẩu dệt may năm 2004; đồng thời, hướng dẫn các doanh nghiệp vận dụng Chương trình CEPT/AFTA để chủ động trong việc xuất khẩu vào thị trường ASEAN, mở rộng thị trường xuất khẩu.

3. Bộ Thương mại:

www.PhuVienPhapLuat.com
Tel: +84-8-38456681

a) Phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan và địa phương khẩn trương thực hiện các chương trình xúc tiến thương mại trọng điểm quốc gia.

b) Chủ động trong theo dõi và dự báo tình hình thị trường để có giải pháp điều hành phù hợp, hiệu quả; chủ động phát hiện và ứng phó với các rào cản phi thuế; có biện pháp hạn chế, đấu tranh tích cực với các vụ kiện, hàng rào kỹ thuật trong thương mại quốc tế.

c) Hướng dẫn xây dựng và tổ chức quản lý tốt thương hiệu của doanh nghiệp Việt Nam để hỗ trợ các doanh nghiệp xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu, xúc tiến thương mại, nâng cao khả năng cạnh tranh, phát triển thị trường xuất khẩu.

4. Bộ Thương mại cùng Bộ Công nghiệp tiếp tục nghiên cứu cơ chế phân bổ hạn ngạch hàng dệt may xuất khẩu, bảo đảm bình đẳng trong kinh doanh xuất khẩu. Tổ chức thực hiện hiệu quả Hiệp định hàng dệt may với Mỹ và EU. Chú trọng phát triển các thị trường và mặt hàng không hạn ngạch để bảo đảm ổn định sản xuất và xuất khẩu.

5. Mở rộng khả năng thâm nhập vào các thị trường mới, thị trường truyền thống (Trung Quốc, Trung Cận Đông, châu Phi, Nga và Đông Âu); đa dạng hóa các loại hình xuất khẩu gạo (xuất thương mại, theo hợp đồng Chính phủ, đổi hàng, xuất trả chậm).

6. Cùng với việc đẩy mạnh xuất khẩu, chú ý quản lý nhập khẩu đối với từng nhóm hàng để hạn chế nhập siêu. Rà soát và thẩm định kỹ các phương án đầu tư, nghiên cứu để có giải pháp sát thực

nhằm điều chỉnh kịp thời mức thuế suất thuế nhập khẩu, nhất là chính sách thuế đối với linh kiện, cấu kiện để khuyến khích các doanh nghiệp, nhà thầu sử dụng, mua sắm thiết bị trong nước; khuyến khích phát triển công nghiệp hỗ trợ và các doanh nghiệp sử dụng nguyên, nhiên vật liệu trong nước, áp dụng các biện pháp tiết kiệm trong sử dụng nguyên, nhiên vật liệu nhập khẩu.

7. Trong năm 2004, các Bộ, địa phương và các doanh nghiệp phải chủ động hơn trong hội nhập kinh tế quốc tế:

a) Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Thương mại và các Bộ, cơ quan liên quan tổ chức thực hiện tốt các cam kết trong lộ trình tham gia AFTA, chỉ đạo, hướng dẫn các doanh nghiệp xây dựng kế hoạch sản xuất, kinh doanh để chủ động thực hiện lộ trình giảm thuế và phi thuế đã cam kết.

b) Các Bộ quản lý chuyên ngành xây dựng phương án mở cửa thị trường đi đôi với việc xây dựng các tiêu chuẩn kỹ thuật và các quy định đối với hàng hóa nhập khẩu để bảo hộ lợi ích chính đáng của người tiêu dùng và sản xuất trong nước, phù hợp với các quy định, nguyên tắc của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO). Chủ động xây dựng và phát triển các quan hệ kinh tế song phương; đồng thời, đẩy nhanh quá trình đàm phán gia nhập WTO.

c) Bộ Thương mại chỉ đạo Đoàn đàm phán phối hợp với Bộ Tài chính và các Bộ, ngành liên quan xây dựng lộ trình đàm phán đa phương và song phương (cả về thời gian và nội dung) trong năm 2004; xác định các cam kết cuối cùng khi

gia nhập WTO, báo cáo Thủ tướng Chính phủ (trong quý I năm 2004) để trình xin ý kiến Bộ Chính trị; phối hợp với Bộ Văn hóa - Thông tin và các cơ quan thông tin đại chúng tổ chức tuyên truyền rộng rãi về WTO và chủ trương gia nhập WTO.

8. Các Bộ, cơ quan trung ương, địa phương thực hiện các giải pháp hỗ trợ đối với những dự án, những sản phẩm hàng hóa dịch vụ thiết yếu của nền kinh tế trong quá trình hội nhập, phải đẩy mạnh xóa bỏ bao cấp, giảm bảo hộ, hạn chế và kiểm soát độc quyền kinh doanh, đồng thời hướng dẫn các Hiệp hội ngành hàng và các doanh nghiệp phân tích khả năng cạnh tranh của các sản phẩm và đề xuất các biện pháp cụ thể nhằm giảm chi phí sản xuất, nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh của từng sản phẩm.

9. Bộ Tài chính tiếp tục rà soát hệ thống thuế, phí và lệ phí để có biện pháp xử lý, cắt giảm ngay những chi phí dịch vụ đầu vào đang ở mức cao; hủy bỏ các loại phí, lệ phí do các cơ quan, doanh nghiệp tự đặt ra; giảm các loại chi phí, lệ phí vận tải, kho bãi tại các cảng biển và cảng hàng không; lệ phí hải quan đối với hàng hóa xuất nhập khẩu.

10. Các Bộ, ngành tiếp tục rà soát hệ thống các văn bản pháp luật chuyên ngành, khẩn trương nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung các văn bản cần thiết để đáp ứng yêu cầu hội nhập.

V. LĨNH VỰC XÃ HỘI

1. Tổ chức thực hiện tốt các mục tiêu và nhiệm vụ phát triển giáo dục, đào tạo và

dạy nghề đáp ứng yêu cầu chuyển đổi cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 (Khóa IX), các Nghị quyết của Quốc hội.

Bộ Giáo dục và Đào tạo hoàn thiện đề án xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý, xây dựng và trình đề án đổi mới hệ thống đào tạo đại học, các đề án về cơ cấu, sự liên thông và sự phân công, phân cấp, phối hợp chặt chẽ trong hệ thống giáo dục quốc dân (kể cả hệ thống đào tạo nghề) trên cơ sở xác định hướng phát triển và cơ cấu các cấp học, bậc học, ngành học, các loại hình nhà trường phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và phát huy nhân tố con người.

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xây dựng và triển khai thực hiện đề án nâng cao chất lượng dạy nghề phục vụ yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo cùng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với Bộ Nội vụ nghiên cứu sửa đổi, ban hành các tiêu chuẩn, định mức về cán bộ giảng dạy, giáo viên, cơ sở vật chất, thiết bị, tài chính. Thông báo công khai mức độ đạt được tiêu chuẩn, định mức trên của các trường, trước hết là các cơ sở đào tạo làm cơ sở cho việc tuyển sinh đào tạo.

Hoàn thiện đề án xã hội hóa giáo dục trình Chính phủ, chú ý các giải pháp về khai thác, quản lý và sử dụng các nguồn đầu tư ngoài ngân sách nhà nước để phát triển giáo dục, đào tạo. Đẩy mạnh vận động các tổ chức kinh tế xã hội, cá nhân trong và ngoài nước tham gia vào chương trình kiên cố hóa trường học.

Tăng cường kiểm tra đôn đốc địa phương thực hiện đúng tiến độ và có hiệu quả các nguồn vốn của chương trình kiên cố hóa trường học.

3. Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan và địa phương tổng kết, đánh giá chất lượng giáo dục và đào tạo, phân tích nghiêm túc ý kiến của nhân dân và các nhà khoa học. Trên cơ sở các kết luận về chất lượng giáo dục đào tạo, đẩy mạnh việc đổi mới chương trình, sách giáo khoa, phương pháp dạy và học để tạo bước chuyển biến mạnh về chất lượng giáo dục đào tạo trong thời gian tới.

4. Bộ Y tế phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan và địa phương xây dựng đề án và đề xuất cơ chế đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp nhằm hoàn chỉnh mạng lưới y tế cơ sở (trong đó có nội dung đẩy mạnh xã hội hóa); đề án viện phí, đề án quản lý thuốc chữa bệnh cho người.

Nâng cấp các bệnh viện đa khoa cấp tỉnh và bệnh viện khu vực đủ sức thực hiện việc khám, chữa bệnh tại địa phương có chất lượng nhằm từng bước giải quyết một cách căn bản vấn đề quá tải của các bệnh viện trung ương và các thành phố lớn. Bộ Y tế phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính xây dựng phương án huy động các nguồn lực và vốn để thực hiện mục tiêu này.

5. Bộ Tài chính phối hợp với Bộ Y tế và các cơ quan liên quan nghiên cứu hoàn chỉnh Nghị định về quản lý giá thuốc phòng, chữa bệnh cho người để Chính phủ ban hành trong quý I năm 2004; Bộ Y tế chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan trình Thủ tướng Chính phủ

trong quý I năm 2004 đề án quản lý thuốc và các giải pháp chống độc quyền trong kinh doanh thuốc; thu hút nguồn vốn FDI, đặc biệt là các dự án 100% vốn nước ngoài cho lĩnh vực sản xuất thuốc chữa bệnh.

6. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế, Bộ Văn hóa - Thông tin, Ủy ban Thể dục Thể thao và các Bộ liên quan khẩn trương trình Thủ tướng Chính phủ trong quý I năm 2004 đề án sửa đổi, bổ sung chế độ thu, quản lý, sử dụng các nguồn thu của đơn vị sự nghiệp thuộc ngành giáo dục đào tạo, y tế, văn hóa, thể dục thể thao.

7. Bộ Văn hóa - Thông tin sớm hoàn chỉnh quy hoạch hệ thống bảo tàng, thư viện, nhà hát, các thiết chế văn hóa khác; đề xuất cơ chế và hướng tập trung đầu tư những cơ sở thiết yếu phục vụ cộng đồng dân cư, đặc biệt là cấp cơ sở. Hoàn chỉnh quy hoạch đầu tư bảo tồn các di tích văn hóa và di tích lịch sử; có cơ chế, chính sách đầu tư và phân cấp quản lý nhằm đẩy mạnh công tác xã hội hóa hoạt động thuộc lĩnh vực này.

Hoàn chỉnh Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2010 để trình Chính phủ ban hành vào quý I năm 2004.

Phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan hoàn chỉnh các văn bản pháp quy làm cơ sở đẩy mạnh công tác xã hội hóa các hoạt động văn hóa. Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển sự nghiệp văn hóa. Tổ chức tốt các hoạt động văn hóa thông tin quan trọng trong năm 2004, đặc biệt là kỷ niệm 50 năm chiến thắng Điện Biên Phủ.

Hoàn chỉnh Chiến lược thông tin để trình Chính phủ ban hành trong quý I năm 2004.

8. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các cơ quan liên quan nghiên cứu, ban hành chính sách dạy nghề; cơ chế hình thành Quỹ Hỗ trợ dạy nghề cho lao động mất việc ở các địa phương khi Nhà nước thực hiện chuyển đất nông nghiệp sang xây dựng các khu công nghiệp, khu chế xuất; Quỹ Hỗ trợ xuất khẩu lao động.

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xây dựng đề án củng cố và phát triển thị trường xuất khẩu lao động, chấn chỉnh công tác quản lý các doanh nghiệp xuất khẩu lao động; đảm bảo dạy nghề, ngoại ngữ cho công nhân đủ trình độ trước khi đưa đi lao động ở nước ngoài cũng như cung cấp lao động cho các khu công nghiệp lớn; xây dựng thí điểm hai trung tâm xúc tiến việc làm ở phía Bắc và phía Nam để cung ứng lao động cho các vùng kinh tế trọng điểm quốc gia. Đồng thời, tạo điều kiện hỗ trợ việc làm cho người lao động khi kết thúc hợp đồng lao động ở nước ngoài trở về.

Nghiên cứu chế tài đối với các doanh nghiệp không thực hiện bảo hiểm xã hội đối với người lao động; có biện pháp hữu hiệu giảm tai nạn lao động; hạn chế tình trạng tăng giờ, tăng ca không đúng quy định ở khu vực ngoài quốc doanh.

9. Tổng cục Thống kê, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố đánh giá lại tỷ lệ hộ đói nghèo đến cuối năm 2004 sát với thực tế đói nghèo ở từng địa phương để có thông tin đầy đủ và chuẩn xác phục

vụ cho việc đánh giá kết quả công tác đối nghèo những năm qua và chuẩn bị xây dựng kế hoạch xóa đói, giảm nghèo năm 2005 và 5 năm tới.

10. Trong quý I năm 2004, Bộ Công an chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan) xây dựng đề án tổng thể kiểm soát ma túy qua biên giới vào Việt Nam, trình Chính phủ.

Bộ Công an, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế và các cơ quan liên quan tiếp tục hoàn thiện các cơ chế, chính sách và giải pháp đẩy mạnh phòng, chống tệ nạn ma túy, mại dâm, phòng, chống HIV/AIDS.

11. Bộ Công an, Bộ Giao thông vận tải tiếp tục phối hợp với các địa phương, đặc biệt là các thành phố lớn đẩy mạnh việc thực hiện Nghị định số 13/2002/NĐ-CP ngày 19 tháng 11 năm 2002 của Chính phủ về các giải pháp kiềm chế gia tăng, tiến tới giảm dần tai nạn giao thông và ùn tắc giao thông, Nghị định số 14/2003/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2003 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giao thông đường bộ và Nghị định số 15/2003/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2003 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực giao thông đường bộ.

12. Bộ Công an, Bộ Quốc phòng tăng cường chỉ đạo, phối hợp với các địa phương, nhất là các địa bàn trọng điểm bảo đảm an ninh, giữ vững ổn định chính trị - xã hội; kịp thời phát hiện, ngăn chặn mọi âm mưu và hành vi phá hoại của các thế lực thù địch; tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình quốc gia phòng, chống tội phạm,

đặc biệt là các tội phạm có tổ chức, băng nhóm hình sự nghiêm trọng, ma túy,...

13. Bộ Khoa học và Công nghệ hoàn thiện đề án về đổi mới cơ chế quản lý khoa học - công nghệ, trình Chính phủ trong quý II năm 2004.

14. Ủy ban Thể dục Thể thao xây dựng và trình Chính phủ đề án phát huy hiệu quả của SEA GAMES và chương trình phát triển thể dục thể thao trong những năm tới.

VI. TẬP TRUNG GIẢI QUYẾT CƠ BẢN MỘT SỐ VẤN ĐỀ CẤP BÁCH TRONG CHƯƠNG TRÌNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Các Bộ, cơ quan và địa phương tiếp tục rà soát, loại bỏ những thủ tục hành chính không phù hợp, thực hiện tốt quy chế "một cửa" tại các cơ quan hành chính nhà nước khi giải quyết các vụ, việc liên quan đến người dân.

Có kế hoạch cụ thể và thực hiện khẩn trương để ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành đưa các Luật, Pháp lệnh đã có hiệu lực mau chóng đi vào cuộc sống.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có kế hoạch kiểm tra, thanh tra việc chấp hành pháp luật trong ngành, lĩnh vực, địa phương mình phụ trách, coi đó là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên và là nội dung kiểm tra của Thủ trưởng cơ quan hành chính cấp trên đối với cấp dưới.

2. Tổ chức thực hiện tốt Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân gắn với đẩy mạnh phân cấp, kiện toàn bộ máy chính quyền địa phương, xây dựng đồng bộ các chế độ, chính sách đối với cán bộ xã, phường, thị trấn theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 5, Khóa IX.

Năm 2004, tiến hành bầu cử Hội đồng nhân dân ba cấp, các địa phương cần xem xét, đánh giá một cách chặt chẽ để đưa ra khỏi bộ máy những cán bộ lãnh đạo phẩm chất kém, năng lực yếu không hoàn thành nhiệm vụ.

Thực hiện tốt Quy chế dân chủ cơ sở, tạo điều kiện để nhân dân phát huy quyền làm chủ trong việc tham gia các hoạt động kinh tế và xây dựng chính quyền. Tham gia giám sát các cuộc thanh tra mở rộng các hình thức dân chủ trực tiếp; nâng cao chất lượng của các thiết chế dân chủ đại diện; thực hiện quy chế công khai và phát huy vai trò giám sát của nhân dân, của các tổ chức quần chúng và phương tiện thông tin đại chúng trong việc xây dựng thể chế và giám sát hoạt động của cán bộ, công chức, đấu tranh với những hành vi quan liêu tiêu cực, lãng phí, làm trong sạch bộ máy công quyền.

Tập trung đấu tranh chống tệ tham nhũng, sách nhiễu dân, tệ dôi trá, tệ coi thường kỷ luật, kỷ cương và tắc trách trong công việc.

3. Đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng, thi tuyển công chức, thực hiện nghiêm Pháp lệnh Cán bộ, công chức và chế độ công vụ, đề cao trách nhiệm của cán bộ, công chức trong việc thực thi pháp luật và phục vụ nhân dân.

Tăng cường công tác giáo dục, kiểm tra và xử lý nghiêm minh những cán bộ, công chức tha hóa, biến chất. Tập trung làm trong sạch các cơ quan bảo vệ pháp luật để củng cố trụ cột trong đấu tranh chống tham nhũng, chống tội phạm.

Thực hiện nghiêm chỉnh Quy chế về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại và luân chuyển cán bộ lãnh đạo; thay đổi cán bộ năng lực yếu, trì trệ; thực hiện các biện pháp phát hiện, ngăn chặn và xử lý nghiêm các biểu hiện tiêu cực trong công tác cán bộ.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ cụ thể hóa và triển khai thực hiện Chương trình công tác của Chính phủ năm 2004.

2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, chính quyền địa phương các cấp hàng tháng, hàng quý đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước theo đúng quy định; phát hiện và tìm các giải pháp để khắc phục kịp thời các khó khăn, vướng mắc của cơ sở; những vấn đề vượt quá thẩm quyền, cần tập hợp và đề xuất biện pháp giải quyết.

3. Chính phủ duy trì các biện pháp giao ban chuyên đề để thường xuyên kiểm điểm tình hình và đề ra các biện pháp đẩy mạnh thực hiện kế hoạch và ngân sách nhà nước hàng quý./.

TM. CHÍNH PHỦ
Thủ tướng

Phan Văn Khải

CÁC BỘ

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM

QUYẾT ĐỊNH của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước số **07/2004/QĐ-NHNN** ngày **02/01/2004** về việc sửa đổi, bổ sung một số mẫu biểu báo cáo tại Chế độ thông tin báo cáo áp dụng đối với các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước và các tổ chức tin dụng ban hành kèm theo Quyết định số **516/2000/QĐ-NHNN1** ngày **18/12/2000** của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG
NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 12/12/1997, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ngân hàng Nhà nước ngày 17/6/2003;

Căn cứ Nghị định số 86/2002/NĐ-CP ngày 05/11/2002 của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Quyết định số 1304/QĐ-TTg ngày 27/11/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc phát hành bổ sung một số loại tiền mới vào lưu thông kể từ ngày 17/12/2003;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách tiền tệ,